

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/KDTM-ST
Ngày: 30 – 9 – 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn.

Bà Dương Thị Hồng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Phúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2025/TLST-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2025/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V2 (V3); địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh B - Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp miền B – Trung tâm thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý; đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Tiến L – Cán bộ xử lý nợ; địa chỉ: Số A đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông L có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH H1; địa chỉ: Số C N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H – Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty. Ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số C N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH H1 vay vốn của V3 theo các Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số QBI/23072 ngày 28/08/2023:

Hạn mức cho vay: 2.800.000.000 (Hai tỷ tám trăm triệu đồng); Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ bán vật liệu xây dựng (xi măng, thép); Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, V4 đã giải ngân cho Công ty H1 xi măng số tiền là: 279.500.000 đồng thông qua Khế ước nhận nợ số: 250724-8183759-ONL-15 ngày 25/07/2024; Số tiền vay: 279.500.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 25/07/2024 đến ngày 25/01/2025; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 9.1%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay; Các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc cho bên ngân hàng một lần vào ngày 25/01/2025; Nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng (sau đây gọi là kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/08/2024.

- Hợp đồng cho vay số CLC-11640-01 ngày 17/01/2024:

Hạn mức cho vay tối đa: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng); Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ bán vật liệu xây dựng (xi măng, thép); Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, V4 đã giải ngân cho Công ty H1 xi măng số tiền là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) thông qua các khế ước nhận nợ sau:

° *Khế ước nhận nợ số 101224-8183759-ONL-17 ngày 10/12/2024:* Số tiền vay: 300.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 10/12/2024 đến ngày 10/06/2025; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 13.00%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay; Các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc cho bên ngân hàng một lần vào ngày 10/06/2025; Nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng (sau đây gọi là kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/01/2025.

° *Khế ước nhận nợ số 121224-8183759-ONL-18 ngày 13/12/2024:* Số tiền vay:

300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 13/12/2024 đến ngày 13/06/2025; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 13.00%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay; Các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc cho bên ngân hàng một lần vào ngày 13/06/2025; Nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng (sau đây gọi là kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/01/2025.

° *Khế ước nhận nợ số 261224-8183759-ONL-19 ngày 26/12/2024*: Số tiền vay: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 26/12/2024 đến ngày 26/06/2025; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 13.00%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay; Các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc cho bên ngân hàng một lần vào ngày 26/06/2025; Nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng (sau đây gọi là kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/01/2025.

° *Khế ước nhận nợ số 301224-8183759-ONL-20 ngày 30/12/2024*: Số tiền vay: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 30/12/2024 đến ngày 30/06/2025; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 13.20%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay; Các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc cho bên ngân hàng một lần vào ngày 30/06/2025; Nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng (sau đây gọi là kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/01/2025.

- Hợp đồng cho vay số CLC-29653-01 ngày 31/10/2024

Hạn mức cho vay tối đa: 2.100.000.000 (Hai tỷ một trăm triệu đồng); Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ bán vật liệu xây dựng. Chi tiết: xi măng, thép; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, V4 đã giải ngân cho Công ty H1 xi măng số tiền là: 693.000.000 đồng thông qua Khế ước nhận nợ số 261124-8183759-ONL-16 ngày 27/11/2024; Số tiền vay: 693.000.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi ba triệu đồng*); Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 27/11/2024 đến ngày 27/05/2025; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 10.00%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay; Các kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc cho bên ngân hàng một lần vào ngày 27/05/2025; Nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng (sau đây gọi là kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/12/2024.

- Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 04/12/2023:

Hạn mức thẻ tín dụng: 47.450.000 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); Thời gian duy trì hạn mức thẻ tín dụng: 60 tháng; Lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng: 34%/năm. Được điều chỉnh theo quy định tại Bản Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế dành cho KHDN được công bố trên website <https://www.V4.com.vn> Lãi suất nợ quá hạn: Theo quy định của V4 theo từng thời kỳ.

- Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với đất tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Xuân H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 838614, số vào sổ cấp GCN CH01421 do UBND Thành phố Đ cấp ngày 31/12/2014. Xác lập thế chấp tại V4 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 5497, quyển số: 11/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2024.

- Biện pháp bảo đảm khác: Bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Xuân H theo Hợp đồng bảo lãnh số: QBI/23072/HĐBL ký ngày 28/08/2023. Theo đó, ông Nguyễn Xuân H đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty H1 xi măng cho V4 theo các văn kiện tín dụng đã ký.

Tài sản bảo đảm trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: CLC-31341-8183759-HDTC-01 ngày 22/11/2024 được ký kết giữa V4 với ông Nguyễn Xuân H. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ ngày 22/11/2024.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, Công ty TNHH H1 Xi măng trả được số tiền 193.326.790 đồng bao gồm: Tiền gốc 166.001.161 đồng, tiền lãi: 10.811.920 đồng. Sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/01/2025 đối với V4 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa hôm nay, V3 đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty H1 xi măng phải thanh toán cho V4 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tổng dư nợ tính đến ngày 30/9/2025 là: 2.132.570.850 đồng, trong đó: Đối với các hợp đồng cho vay: Nợ gốc: 1.806.498.839 đồng; lãi trong hạn: 15.178.874 đồng; lãi quá hạn: 231.098.735 đồng; lãi chậm trả: 17.711.770 đồng. Đối với thẻ tín dụng: Nợ gốc: 47.380.958; nợ lãi: 14.701.675 đồng.

- Tiếp tục cho tính lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng đã ký kết cho đến

ngày Công ty H1 xi măng thực tế thanh toán hết nợ cho V4.

- Trường hợp Công ty H1 xi măng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V4 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho V4, bao gồm: 01 Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất đối với đất tại Thửa đất số: 381, tờ bản đồ số: 4; địa chỉ: Phường Đ, Thành phố Đ, Tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Xuân H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 838614, sổ vào sổ cấp GCN CH01421 do UBND Thành phố Đ cấp ngày 31/12/2014. Xác lập thế chấp tại V4 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 5497, quyền số: 11/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2024.

- Trường hợp Công ty H1 xi măng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V4, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty H1 xi măng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Trường hợp tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V4, V4 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H1 và ông Nguyễn Xuân H để thu hồi nợ cho đến khi khoản nợ được tất toán.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, Công ty H2 xi măng, ông Nguyễn Xuân H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V4 cho đến khi khoản nợ được tất toán.

** Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tòa án đã triệu tập bị đơn Công ty TNHH H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân H nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi bản khai trình bày ý kiến đến Tòa án.

**Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:* Tòa án đã tiến hành thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 103,1m² (đất ở tại đô thị: 50,0m²; đất trồng cây lâu năm: 53,1m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV838614 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 31/12/2014 mang tên ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị M; tặng cho ông Nguyễn Xuân H, CCCD số: 044087009710 theo hồ sơ số 01421.TA.003 ngày 14/11/2024.

Tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp. Tài sản trên đất: không có công trình xây dựng; có 01 cây bơ đường kính 15cm, cao khoảng 05m;

03 cây bơ (nhỏ) cao khoảng 02-03m; 01 cây khế đường kính 10cm, cao khoảng 04-05m; 01 cây xoài đường kính 15cm, cao khoảng 04-05m; 02 cây cam nhỏ cao khoảng 1,5-02m.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V4 vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án khu vực 1 - Quảng Trị thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

** Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của BLTTDS.

** Về nội dung:* Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V3, buộc Công ty TNHH H1 phải trả nợ cho Ngân hàng V4 tổng dư nợ tính đến ngày 30/9/2025 là: 2.132.570.850 đồng, trong đó: Đối với các hợp đồng cho vay: Nợ gốc: 1.806.498.839 đồng; lãi trong hạn: 15.178.874 đồng; lãi quá hạn: 231.098.735 đồng; lãi chậm trả: 17.711.770 đồng. Đối với thẻ tín dụng: Nợ gốc: 47.380.958; nợ lãi: 14.701.675 đồng.

- Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng V3 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại, xử lý tài sản đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Công ty TNHH H1 và Ngân hàng V4 gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 103,1m² (đất ở tại đô thị: 50,0m²; đất trồng cây lâu năm: 53,1m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV838614 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 31/12/2014 mang tên ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị M; tặng cho ông Nguyễn Xuân H, CCCD số: 044087009710 theo hồ sơ số 01421.TA.003. Các tài sản bảo đảm trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: CLC-31341-8183759-HDTC-01 ngày 22/11/2024 đã ký giữa V4 với ông Nguyễn Xuân H và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ ngày 22/11/2024 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp Công ty TNHH H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì buộc ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo nội dung của hợp đồng bảo lãnh số: QBI/23072/HĐBL ngày 28/8/2023 đã ký kết với N hành TMCP Việt Nam V2 (V4).

- Về án phí, chi phí tố tụng: Công ty TNHH H1 Xi măng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đặt trụ sở của bị đơn: Công ty TNHH H1, có trụ sở tại: Số C N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP V2 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH H1 Xi măng trả số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số QBI/23072 ngày 28/08/2023; Hợp đồng cho vay số CLC-11640-01 ngày 17/01/2024; Hợp đồng cho vay số CLC-29653-01 ngày 31/10/2024 và Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 04/12/2023 nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tại các hợp đồng có ghi mục đích kinh doanh, phía bị đơn Công ty TNHH H1 Xi măng là tổ chức có đăng ký kinh doanh; Ngân hàng V4 cũng đã xác nhận việc vay nợ và đề nghị thụ lý vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại. Vì vậy, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp hợp đồng phát sinh trong giao dịch dân sự theo qui định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đối với bị đơn Công ty TNHH H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân H mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp cho ông Nguyễn Lương T (bố ông H) và tiến hành lập biên bản niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Toà án đã thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt còn bị đơn Công ty TNHH H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân H vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân tối cao quy định: “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...*”. Như vậy, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng V3, bị đơn Công ty TNHH H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân H đã ghi đầy đủ địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH H1; địa chỉ cư trú của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đã thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được từ năm 2023, 2024 Công ty TNHH H1 đã ký với Ngân hàng TMCP V2 các hợp đồng gồm: Hợp đồng cho vay số QBI/23072 ngày 28/08/2023; Hợp đồng cho vay số CLC-11640-01 ngày 17/01/2024; Hợp đồng cho vay số CLC-29653-01 ngày 31/10/2024; Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 04/12/2023. Xét thấy hợp các đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Trên cơ sở các Hợp đồng tín dụng, V3 đã giải ngân cho Công ty TNHH H1 vay số tiền gốc của các hợp đồng tín dụng với tổng cộng số tiền là 1.972.500.000 đồng và cấp hạn mức thẻ tín dụng là: 47.450.000 đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do Ngân hàng V4 cung cấp thì trong quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên, Công ty TNHH H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/01/2025 đối với V4 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng V4 đã nhiều lần làm việc, yêu cầu Công ty TNHH H1 Xi măng thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho V4, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng.

[3] Về khoản nợ gốc: Theo các Hợp đồng và các tài liệu chứng cứ cũng như trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V4 thì số tiền gốc mà V4 đã giải ngân cho Công ty TNHH H1 Xi măng là 1.972.500.000 đồng và cấp hạn mức thẻ tín dụng là: 47.450.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được số tiền gốc của các hợp đồng tín dụng là 166.001.161 đồng; thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp: 69.042 đồng. Số tiền gốc bị đơn còn nợ V4 tính đến ngày 30/9/2025: Đối với các hợp đồng cho vay: 1.806.498.839 đồng. Đối với thẻ tín dụng: Nợ gốc: 47.380.958 đồng.

[4] Về lãi suất: Tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết và khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân của hợp đồng hạn mức. Lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng: 34%/năm. Lãi suất quá hạn của các hợp đồng tín dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất quá hạn của thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN thực hiện theo quy định của V3 theo từng thời kỳ.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về mức lãi suất và điều chỉnh lãi suất là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên cần được chấp nhận.

[4.1] Về lãi trong hạn: Việc thỏa thuận lãi suất là phù hợp quy định của pháp luật nên yêu cầu về lãi trong hạn của Ngân hàng được chấp nhận. Tính đến ngày 30/9/2025, khoản nợ lãi trong hạn của các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết Đối với các hợp đồng cho vay: lãi trong hạn: 15.178.874 đồng. Đối với thẻ tín dụng: Nợ lãi: 14.701.675 đồng.

[4.2] Về lãi quá hạn: Tại các hợp đồng cho vay hạn mức có quy định về lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên cần được chấp nhận. Buộc Công ty TNHH H1 phải trả cho V4 số tiền lãi quá hạn là lãi quá hạn đối với các hợp đồng cho vay là: 245.800.410 đồng.

[4.3] Về tiền phạt chậm trả: Tại các hợp đồng cho vay hạn mức có thỏa thuận: “Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên cần được chấp nhận. Buộc Công ty TNHH H1 phải trả cho V4 số tiền phạt chậm trả lãi là 17.711.770 đồng.

Ngoài ra, Công ty TNHH H1 còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Từ những nhận định trên, Ngân hàng V4 khởi kiện Công ty TNHH H1 Xi măng ra Tòa án yêu cầu thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo khoản vay trên, Công ty TNHH H1 đã thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 103,1m² (đất ở tại đô thị: 50,0m²; đất trồng cây lâu năm: 53,1m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV838614 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 31/12/2014 mang tên ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị M; tặng cho ông Nguyễn Xuân H, CCCD số: 044087009710 theo hồ sơ số 01421.TA.003 ngày 14/11/2024. Tài sản bảo đảm trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: CLC-31341-8183759-HDTC-01 ngày 22/11/2024 được ký giữa V4 với ông Nguyễn Xuân H. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ ngày 22/11/2024.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên đều là tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với các quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên được xác định là hợp pháp. Nên Công ty TNHH H1 Xi măng ngoài việc phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì phải có trách nhiệm dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của V4: Trường hợp Công ty H1 xi măng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, V4 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho V4.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện cam kết tại các văn bản bảo lãnh đã ký kết, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Xuân H (gọi là bên bảo lãnh) đã ký hợp đồng bảo lãnh số: QBI/23072/HĐBL ngày 28/8/2023 chấp thuận bảo lãnh cho Công ty TNHH H1 (gọi là bên được bảo lãnh) đối với việc bên được bảo lãnh được Ngân hàng TMCP V2 (V4) cấp tín dụng theo Hợp đồng cho vay số số: QBI/23072 ngày 28/8/2023 và thỏa thuận khung về cấp tín dụng QBI/23072/TTK ngày 28/8/2023. Như vậy, các Văn bản cam kết bảo lãnh do bên bảo lãnh là các anh chị có tên trên đã ký và chấp nhận với các điều khoản trong văn bản là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 355, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Do đó, có cơ sở để buộc: Trường hợp Công ty TNHH H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì buộc ông Nguyễn Xuân H dùng toàn bộ tài sản và nguồn thu của mình để thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo nội dung của Văn bản cam kết bảo lãnh mà

các bên đã ký ngày 28/8/2023.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V4 được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH H1 xi măng phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng để sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng V4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. Về chi phí tố tụng khác:

Buộc Công ty TNHH H1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V2 (V4) số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.300.000 đồng.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 74; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 241; 292; 293; 298; 317; 318; 319; 320; 321; 322; 323; 365; 368; 463; 466; 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 (V4) về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc Công ty TNHH H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V2 (V4) số nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay số QBI/23072 ngày 28/08/2023; Hợp đồng cho vay số CLC-11640-01 ngày 17/01/2024; Hợp đồng cho vay số CLC-29653-01 ngày 31/10/2024; Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 04/12/2023; tổng dư nợ tính đến ngày 30/9/2025 là: 2.132.570.850 đồng, trong đó: Đối với các hợp đồng cho vay: Nợ gốc: 1.806.498.839 đồng; lãi trong hạn: 15.178.874 đồng; lãi quá hạn: 231.098.735 đồng; lãi chậm trả: 17.711.770 đồng. Đối với thẻ tín dụng: Nợ gốc: 47.380.958; nợ lãi: 14.701.675 đồng.

1.2. Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2025) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản

tiền lãi phát sinh từ số tiền còn thi hành theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

1.3. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V2 (V4) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Xuân H cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 103,1m² (đất ở tại đô thị: 50,0m²; đất trồng cây lâu năm: 53,1m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV838614 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 31/12/2014 mang tên ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị M; tặng cho ông Nguyễn Xuân H, CCCD số: 044087009710 theo hồ sơ số 01421.TA.003 ngày 14/11/2024. Tài sản bảo đảm trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: CLC-31341-8183759-HDTC-01 ngày 22/11/2024 được ký giữa V4 với ông Nguyễn Xuân H. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI - Quảng Trị) ngày 22/11/2024. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Trường hợp Công ty TNHH H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì buộc ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo nội dung của hợp đồng bảo lãnh số: QBI/23072/HĐBL ngày 28/8/2023 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V2 (V4).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn Công ty TNHH H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đề sung quỹ Nhà nước là: 74.651.417 đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V2 (V4) số tiền tạm ứng án phí 34.926.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số: 0005578 ngày 21/7/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Trị).

4. Về chi phí tố tụng khác: Buộc Công ty TNHH H1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V2 (V4) số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2025). Đối với bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 1- Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ**

(Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

Nguyễn Thị V1 Dương Thị Hồng Liên

Nguyễn Thị Tuyết Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dânThẩm phán - Chủ tọa phiên toà

